

Bản án số: 83/2021/DS-PT

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

“V/v Tranh chấp thừa kế; hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp thừa kế; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2021/QĐPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Danh T, sinh năm 1961 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 05, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp của ông Danh T: Bà Huỳnh Ánh T¹, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Trung Trực, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021) – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Danh Thị L, sinh năm 1976 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 27, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Danh Thị L: Luật sư Trần Thanh Phong – Văn phòng luật sư Trần Thanh Phong thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Danh M, sinh năm 1959 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 29, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

3.2. Ông Danh N, sinh năm 1965 – Có mặt;

Trú số 218, ấp Trà Quýt B, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

3.3. Bà Danh Kim T² (T²), sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp của bà Danh Kim T²: Bà Danh Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020) – Có mặt;

3.4. Bà Danh Thị T³, sinh năm 1968 – Có mặt;

3.5. Bà Danh Thị L¹, sinh năm 1970 – Có mặt;

Đều trú ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp của bà Danh Thị T³ và Danh Thị L¹: Ông Danh M (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2020 và ngày 17/01/2020) – Có mặt;

3.6. Ông Trần Văn Q (Q), sinh năm 1950 – Vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn Q: Ông Danh N (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2021) – Có mặt;

3.7. Anh Trần Hồng S, sinh năm 1975 – Có mặt;

3.8. Anh Trần Văn N¹, sinh năm 1981 – Vắng mặt;

3.9. Anh Trần Văn L², sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Đều trú ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

3.10. Bà Huỳnh Thanh T⁴, sinh năm 1962 – Có mặt;

Trú ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

3.11. Bà Huỳnh Thanh X, sinh năm 1967 – Có mặt;

Trú 101, ấp Trà Canh A2, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

3.12. Bà Huỳnh Thị Thanh T⁵, sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Trú ấp Trà Canh A1, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thanh T⁴: Bà Huỳnh Thị Thanh T⁵ (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021) – Có mặt;

3.13. Ông Thạch K, sinh năm 1973 – Vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch K: Bà Danh Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020) – Có mặt;

3.14. Anh Thạch Minh Q¹, sinh năm 2002 – Vắng mặt;

3.15. Chị Thạch Thị Minh M¹, sinh năm 2011 – Vắng mặt;

Đều trú số 27, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

3.16. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng – Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Xây Cáp, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành: Ông Phan Đức Kháng – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (Có văn bản xin vắng mặt).

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Danh Thị L;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/9/2019, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/7/2020, ngày 30/7/2020 của nguyên đơn ông Danh T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cụ Danh S¹ (tên khác: Danh X¹) và cụ Trần Thị K¹ có 08 người con gồm: Danh T, Danh Thị L, Danh M, Danh N, Danh Kim T² (T²), Danh Thị T³, Danh Thị L¹ và Danh Thị A (chết ngày 08/10/2017 có chồng là Trần Văn Q và 03 con là Trần Hồng S, Trần Văn N¹, Trần Văn L²).

Cụ Danh S¹ chết ngày 29/01/2002, cụ Trần Thị K¹ chết ngày 09/12/1995 đều không có di chúc.

Hai cụ đã quản lý sử dụng từ trước năm 1975 diện tích 15.311,4 m² bao gồm các thửa đất số 186, diện tích 4.300 m²; thửa 187, diện tích 6.593,3 m² và thửa 205, diện tích 4.418,1 m², cùng tờ bản đồ số 05, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đều do cụ S¹ đứng tên trong Sổ mục kê. Sau khi hai cụ chết thì các anh chị em đồng ý cho bà Danh Thị L là con út trong gia đình tiếp tục quản lý, trông coi tài sản của cha mẹ để lại.

Thửa 186 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 187 (đất vườn) đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Danh Thị L – Thạch K; thửa 205 (đất ruộng) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Danh Thị L.

Năm 2019, anh chị em trong gia đình mới phát hiện bà L đã chuyển nhượng thửa đất 205 cho bà Huỳnh Thị Thanh T⁵ và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T⁵ giữ. Khi chuyển nhượng bà L không chừa lại lối đi vào mộ cha mẹ, tháp tro cốt của ông nội chôn cất trên thửa số 187 nên ông Danh T tranh chấp. Cả 03 thửa đất là của cha mẹ để lại, chưa chia thừa kế nên việc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, ông K là không đúng.

Ông Danh T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với 03 thửa đất 186, 187 và 205; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L, ông K và hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 205 giữa bà L cho bà T⁵. Sau đó, ông T rút khỏi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế thửa 186, 187 và rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 187.

Ông T chỉ còn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 205 cấp cho bà L; hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 205 giữa bà L với bà T⁵; chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 205 và xin nhận bằng hiện vật ở vị trí giáp đất ông Q có chiều ngang 14 mét, dài 112,55 mét để làm lối đi vào mộ ông bà.

Bị đơn bà Danh Thị L trình bày:

Lời khai của nguyên đơn về quan hệ nhân thân, nguồn gốc tài sản, người quản lý tài sản, di sản là đúng.

Nguồn gốc các thửa 186, 187 và 205 là của cha mẹ nhận chuyển nhượng của điền chủ vào khoảng năm 1954-1955. Sau khi cha mẹ chết, tất cả anh chị em đều nhất trí cho vợ chồng bà đứng tên, có ký văn bản nhưng đã thất lạc. Việc anh chị em cho bà L đứng tên là đồng ý cho đất bà L vì các anh chị em khác đều đã được cha mẹ chia đất, chỉ có bà với bà T² là chưa được cho. Việc tách đất ra cho bà T² thì bà với bà T² tự thỏa thuận sau và không tranh chấp. Bà đã chuyển nhượng thửa 205 cho bà T⁵ nên không đồng ý khởi kiện của ông T. Bà chỉ đồng ý chừa một lối đi chiều ngang 4 mét đi qua phần đất ruộng tại thửa 205 (tính luôn cái bờ dừa) để đi vào mộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh T⁵, Huỳnh Thanh X và Huỳnh Thanh T⁴ trình bày: Các bà là chị em ruột, hùn mỗi người 1/3 để nhận chuyển nhượng thửa đất số 205 của bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 065446 ngày 24/3/2017 với giá 265.000.000 đồng/công tầm lớn. Đã giao tạm ứng cho bà L nhận 700.000.000 đồng. Do bà L nói chừa lối đi vào mộ mà chiều ngang 4 mét nên khi nào đo đạc cụ thể thì thanh toán nốt số tiền còn lại. Bà X và bà T⁵ giao cho bà T⁴ đại diện ký hợp đồng ngày 18/7/2019, do thời hạn làm thủ tục chỉ có 30 ngày nhưng ông T có tranh chấp với bà L nên bà T⁴ và bà L ký lại Hợp đồng

chuyển nhượng ngày 03/9/2019 nhưng vẫn còn tranh chấp nên chưa hoàn thành thủ tục được. Khi thỏa thuận chuyển nhượng, bà L không thông báo cho các bà biết đất có tranh chấp thừa kế. Nay các bà thống nhất chưa lỗi đi chiều ngang 5 mét và yêu cầu Tòa án công nhận cho tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa 205 đã ký ngày 03/9/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh N trình bày: Lời khai của nguyên đơn về quan hệ nhân thân, nguồn gốc tài sản, người quản lý tài sản, di sản là đúng. Ông không có ý kiến đối với khởi kiện của ông Danh T, chỉ yêu cầu xem xét việc ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hợp pháp không và yêu cầu chưa lại lỗi đi vào mồ mả và chưa ra xung quanh mồ mả khoảng 1 mét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Danh M, Danh Kim T², Danh Thị T³ và Danh Thị L¹ trình bày: Các anh chị em đã thống nhất cho đất cho bà L nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Danh T; chỉ yêu cầu chưa lại lỗi đi vào mồ mả chiều ngang 5 mét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q trình bày: Các anh chị em thống nhất không phân chia thừa kế đối với các thửa 186, 187 và 205. Ông không có ý kiến đối với khởi kiện của ông Danh T. Bà L chuyển nhượng thửa 205 thì ông cũng đồng ý, chỉ yêu cầu chưa lại lỗi đi vào mồ mả ngang 5 mét.

Tại Công văn số 226/UBND ngày 24/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày:

Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L ngày 30/5/2016, được Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm xác nhận ngày 01/6/2016, Ban nhân dân ấp Sóc Tháo họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 30/5/2016 và Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm niêm yết công khai từ ngày 30/5/2016 đến ngày 16/6/2017 không ai tranh chấp hay khiếu nại. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 065446 ngày 24/3/2017 cho bà L đối với thửa đất số 205, diện tích 4.418,1 m² là đúng quy định của pháp luật, có đo đạc thực tế do cấp lần đầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ các khoản 3, 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 1, 2 Điều 147, các khoản 2, 5 Điều 157, các khoản 2, 5 Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng các điều 117, 122, 123, 131, 218, 500, 501, 502, 609, 612, 613, điểm a khoản 2 Điều 617, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 166, 167, 170, 179, 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 3 khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm c tiểu mục 2.3 mục 2 Phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Các điểm c, d khoản 3 Điều 6 của Quy định hạn mức giao đất ở, đất có diện tích mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng; công nhận diện tích đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa và xử lý một số trường hợp trong công tác cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018) của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Danh T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Danh S¹ và cụ Trần Thị K¹ là phần đất diện tích 4.418,1 m² (đo đạc thực tế 4.833,4 m², trong đó lề lộ và lộ giới là 707,9 m²), đất lúa, thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng do bà Danh Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 065446, số vào sổ CH 03652 ngày 24/3/2017.

1.1. Công nhận phần đất nêu trên với diện tích 4.833,4 m² có tổng giá trị 253.753.500 đồng là di sản của cụ Danh S¹ và cụ Trần Thị K¹.

1.2. Chia di sản thừa kế của cụ Danh S¹ và cụ Trần Thị K¹ thành 08 kỷ phần diện tích tương ứng mỗi kỷ phần 604,175 m² cho các đồng thừa kế gồm: Trần Văn Q, Trần Hồng S, Trần Văn N¹, Trần Văn L², Danh M, Danh T, Danh Kim T², Danh Thị T³, Danh Thị L¹, Danh Thị L như sau:

1.2.1. Ông Danh M được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 1 (604,175m²).

1.2.2. Bà Danh Kim T² được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 2 (604,175m²).

1.2.3. Bà Danh Thị T³ được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 3 (604,175m²).

1.2.4. Bà Danh Thị L¹ được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 4 (604,175m²).

1.2.5. Bà Danh Thị L được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 5 (604,175m²).

1.2.6. Ông Trần Văn Q (Q), Trần Hồng S, Trần Văn N¹ và Trần Văn L² được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 6 (604,175m²).

1.2.7. Ông Danh T được hưởng 02 kỷ phần, số thứ tự 7 (1.208,35m²).

Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án.

2. Chấp nhận khởi kiện của ông Danh T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa số 205, tờ bản đồ số 05, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.1. Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 065446, số vào sổ CH 03652 ngày 24/3/2017 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị L đứng tên đối với phần đất diện tích 4.418,1 m² (đo đạc thực tế 4.833,4 m²) thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Hủy toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao kết giữa bà Danh Thị L, ông Thạch K với bà Huỳnh Thanh T⁴ đối với phần đất diện tích 4.418,1 m² (đo đạc thực tế 4.833,4 m²) thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo tờ sang nhượng đất ngày 19/5/2019, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/7/2019 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/9/2019.

Bà Danh Thị L, ông Thạch K cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thanh T⁴, Huỳnh Thanh X và Huỳnh Thị Thanh T⁵ số tiền chuyển nhượng đất là 700.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với khởi kiện của ông Danh T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tại các thửa số 186 và 187 cùng tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2020, bị đơn bà Danh Thị L kháng cáo yêu cầu công nhận cho bà được hưởng 05 kỷ phần thừa kế gồm của bà, Danh M, Danh Kim T², Danh Thị T³ và Danh Thị L¹ bằng hiện vật ($604,175 \text{ m}^2 \times 5 = 3.020,875 \text{ m}^2$), nhận bằng hiện vật gắn với bờ dừa; Buộc Danh T, Danh N và người thừa kế của Danh Thị A trả tiền công sức bồi đắp nâng cao giá trị đất, mỗi người 18.750.000 đồng/người.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Danh Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nếu không chia công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho bà bằng tiền thì phải chia thừa 205 thành 10 kỷ phần để tính công sức cho bà bằng 02 kỷ phần thừa kế.

Luật sư đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Danh Thị L.

Ông Danh M, bà Danh Thị T³, Danh Thị L¹ đều trình bày xin tặng cho bà Danh Thị L kỷ phần thừa kế của mình. Khi cha mẹ còn sống đã chia đất cho các con, chỉ còn Danh Thị L và Danh Kim T² chưa có phần. Sau khi cha mẹ chết thì các anh em đều thống nhất giao thừa 205 cho Danh Thị L đứng tên, L có công sửa đất trũng thành đất như hiện nay. Danh T đã có phần riêng nhưng nay yêu cầu chia thừa kế là không đúng. Bờ dừa là đường đi vào mồ mả cha mẹ, nếu Danh T rào lại sẽ không đi vào thăm mộ cha mẹ được; các phần khác như bản án sơ thẩm chia thì là đất ruộng, muốn vào mồ mả cha mẹ thì phải lội ruộng nên chúng tôi yêu cầu cho bà L nhận đất ngay bờ dừa.

Bà Huỳnh Ánh T¹ đại diện cho nguyên đơn không đồng ý tính công sức cho bà L vì bà L không có công sức gì, cũng không đồng ý chia đất cho bà L vị trí bờ dừa. Về việc các ông bà M, T³, L¹, T² tặng cho bà L kỷ phần thừa kế thì không có ý kiến.

Bà Huỳnh Thanh T⁴ và Huỳnh Thanh X không có kháng cáo nên không có ý kiến trong việc phân chia thừa kế của anh chị em bà L.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị ghi nhận tự nguyện của các đương sự tặng cho bà L kỷ phần thừa kế của mình; Bà L có hưởng hoa lợi từ việc quản lý sử dụng đất nên không chấp nhận kháng cáo của bà L yêu cầu chia công sức và không chấp nhận kháng cáo của bà L yêu cầu thay đổi vị trí chia đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Danh Thị L đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại Điều 26 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Các bên đương sự đều thống nhất:

Cụ Danh S¹ (tên khác: Danh X¹) và cụ Trần Thị K¹ có 08 người con gồm: Danh T, Danh Thị L, Danh M, Danh N, Danh Kim T² (T²), Danh Thị T³, Danh Thị L¹ và Danh Thị A (*chết ngày 08/10/2017 có chồng là Trần Văn Q và 03 con là Trần Hồng S, Trần Văn N¹, Trần Văn L²*).

Cụ Danh S¹ chết ngày 29/01/2002, cụ Trần Thị K¹ chết ngày 09/12/1995 đều không có di chúc.

Di sản hai cụ để lại có ba thửa đất gồm thửa 205, diện tích 4.418,1 m²; thửa 186, diện tích 4.300 m² và thửa 187, diện tích 6.593,3 m² cùng tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện và các đương sự khác cũng không có tranh chấp đối với thửa 186 và thửa 187. Do đó, Bản án sơ thẩm chỉ giải quyết tranh chấp đối với thửa 205 là đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguồn gốc thửa đất 205 là của cụ Danh S¹ và Trần Thị K¹ (đều đã chết không có di chúc). Bà Danh Thị L không chứng minh được các đồng thừa kế đã thỏa thuận chia cho bà thửa đất này, nên Bản án sơ thẩm đã chia đều bằng hiện vật cho 08 thừa kế là đúng quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Danh N tặng cho ông Danh T kỷ phần thừa kế của mình, nên Bản án sơ thẩm công nhận cho ông Danh T 02 kỷ phần là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Danh M, bà Danh Thị L¹, Danh Thị T³ tự nguyện tặng cho bà Danh Thị L kỷ phần thừa kế của mình nên được ghi nhận. Vì vậy bà Danh Thị L được hưởng 04 kỷ phần.

“Giấy nhường quyền hưởng di sản” ngày 13/8/2020 của bà Danh Kim T² (T²) chỉ là bản photocopy không có công chứng hay chứng thực nên không được coi là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L cũng không cung cấp được bản chính hay bản có công chứng, chứng thực. Văn bản của bà T² ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng không có nội dung tặng cho bà L kỷ phần thừa kế của mình, nên không có căn cứ chấp nhận cho bà L nhận kỷ phần thừa kế của bà T².

[4] Nguyên đơn đã rút yêu cầu chia thừa kế và các đương sự chưa phân chia thừa kế đối với thửa đất số 186 và 187, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận chia công sức giữ gìn tôn tạo di sản của bà L với lý do bà L đang quản lý thửa 187 và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bà L có hưởng hoa lợi từ việc quản lý sử dụng đất nên không chấp nhận kháng cáo của bà L yêu cầu chia công sức là không phù hợp. Xét bà Danh Thị L đã quản lý, sử dụng đất từ khi cụ S¹, cụ K¹ chết đến nay nên cũng có công sức giữ gìn, tôn tạo di sản. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà Danh Thị L được chia công sức là có căn cứ, nhưng do bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh công sức của bà bằng 150.000.000 đồng như yêu cầu của bà, nên xác định công sức của bà bằng giá trị một kỷ phần thừa kế là 31.719.187 đồng nên mỗi kỷ phần thừa kế phải trả cho bà L số tiền công sức giữ gìn, tôn tạo di sản theo tỷ lệ bằng nhau, mỗi người 3.964.898 đồng (31.719.187 đồng/8).

[5] Trong 8 đồng thừa kế thì có đến 5 thừa kế gồm các ông bà Danh Thị L, Danh M, Danh Thị T³, Danh Thị L¹, Danh Kim T² có yêu cầu cho bà L được nhận kỷ phần thừa kế ngay bờ dừ để thuận tiện cho việc vào thăm viếng cha mẹ, nên chấp nhận theo yêu cầu của số đông các thừa kế, chấp nhận kháng cáo của bà L về vị trí nhận kỷ phần.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

6.1. Ông Danh T phải chịu trên số tiền 71.368.170 đồng $[(31.719.187 \text{ đồng} + 3.964.898 \text{ đồng}) \times 2]$, án phí là 3.568.409 đồng, làm tròn 3.568.400 đồng.

6.2. Các thừa kế của bà Danh Thị A phải chịu án phí trên số tiền 35.684.085 đồng $(31.719.187 \text{ đồng} + 3.964.898 \text{ đồng})$, án phí là 1.784.204 đồng, làm tròn 1.784.200 đồng.

6.3. Bà Danh Kim T² phải chịu án phí trên số tiền 35.684.085 đồng, án phí là 1.784.204 đồng, làm tròn 1.784.200 đồng.

6.4. Bà Danh Thị L phải chịu án phí trên số tiền 142.736.340 đồng $[(31.719.187 \text{ đồng} + 3.964.898 \text{ đồng}) \times 4]$, án phí là 7.136.817 đồng, làm tròn 7.136.800 đồng.

[7] Bà Danh Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với thừa 186, 187; về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Danh Thị L đứng tên và giải quyết giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 205 giữa bà Danh Thị L, ông Thạch K với bà Huỳnh Thanh T⁴; về chi phí thẩm định, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm đối với Huỳnh Thanh T⁴, Huỳnh Thị Thanh T⁵, Huỳnh Thanh X không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Danh Thị L; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 065446, số vào sổ CH 03652 ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị L đối với thửa đất số 205, diện tích 4.418,1 m² (đo đạc thực tế 4.833,4 m²), tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Tuyên bố các hợp đồng sau đây là vô hiệu gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Danh Thị L, ông Thạch K với bà Huỳnh Thanh T⁴ đối với thửa đất số 205, diện tích 4.418,1 m² (đo đạc thực tế 4.833,4 m²), tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Tờ sang nhượng đất ngày 19/5/2019; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/7/2019 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/9/2019.

Buộc bà Danh Thị L, ông Thạch K cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Thanh T⁴, Huỳnh Thanh X và Huỳnh Thị Thanh T⁵ số tiền chuyển nhượng đất là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

2.3. Chia thửa đất số 205, diện tích 4.418,1 m² (đo đạc thực tế 4.833,4 m²), tờ bản đồ số 5, ấp Sóc Tháo, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bằng hiện vật cho các thửa kế như sau:

2.3.1. Ông Danh T được hưởng 02 kỷ phần, số thứ tự 1 và 2 (1.208,35m²).

2.3.2. Ông Trần Văn Q (Q), Trần Hồng S, Trần Văn N¹ và Trần Văn L² được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 3 (604,175m²).

2.3.3. Bà Danh Kim T² được hưởng 01 kỷ phần, số thứ tự 4 (604,175 m²).

2.3.4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, công nhận cho bà Danh Thị L được hưởng kỷ phần thừa kế của Danh M, Danh Thị T³, Danh Thị L¹. Bà Danh Thị L được hưởng 04 kỷ phần, số thứ tự 5, 6 và 7 (2.416,7 m²).

Vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới của các diện tích được chia tại quyết định này được xác định tại Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo Bản án sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (bút lục 744) và Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hưng Phú Thành lập ngày 17/01/2020 (bút lục 300).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất được công nhận tại quyết định của Bản án này theo quy định của pháp luật.

2.4. Buộc các đồng thừa kế hoàn trả cho bà Danh Thị L công sức giữ gìn, tôn tạo di sản với số tiền cụ thể như sau:

2.4.1. Ông Danh T phải hoàn trả cho bà Danh Thị L 7.729.700 đồng (*Bảy triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm đồng*).

2.4.2. Ông Trần Văn Q (Q), Trần Hồng S, Trần Văn N¹ và Trần Văn L² phải hoàn trả cho bà Danh Thị L 3.964.800 đồng (*Ba triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm đồng*).

2.4.3. Bà Danh Kim T² phải hoàn trả cho bà Danh Thị L 3.964.800 đồng (*Ba triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm đồng*).

2.5. Về án phí:

2.5.1. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

- Ông Danh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.568.400 đồng và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 1.850.000 đồng theo Biên lai thu số 0001408 ngày 17/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, còn phải nộp thêm 1.718.400 đồng (*Một triệu bảy trăm mười tám ngàn bốn trăm đồng*).

- Ông Trần Văn Q (Q), Trần Hồng S, Trần Văn N và Trần Văn L² phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.812.500 đồng (*Một triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*).

- Bà Danh Kim T² (T²) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.812.500 đồng (*Một triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*).

- Bà Danh Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.136.800 đồng (*Bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm đồng*).

2.5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Danh Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0006284 ngày 31/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với thửa 186, 187; về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Danh Thị L đứng tên và giải quyết giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 205 giữa bà Danh Thị L, ông Thạch K với bà Huỳnh Thanh T⁴; về chi phí thẩm định, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm đối với Huỳnh Thanh T⁴, Huỳnh Thị Thanh T⁵, Huỳnh Thanh X không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

